

BỘ THƯƠNG MẠI**THÔNG TƯ số 3/1998/TT-BTM ngày 24-2-1998 hướng dẫn việc cấp giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia.**

Căn cứ Nghị định số 33-CP ngày 19-4-1994 của Chính phủ về quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 1124/1997/QĐ-TTg ngày 25-12-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và nhập khẩu gỗ nguyên liệu;

Căn cứ các Văn bản số 2/CP-KTTH-m ngày 13-1-1998 của Chính phủ và số 15/VPCP-KTTH-m ngày 19-1-1998 của Văn phòng Chính phủ;

Bộ Thương mại hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia theo đường chính ngạch như sau :

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này điều chỉnh việc nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia (đã được cơ quan có thẩm quyền phía Campuchia cấp giấy phép xuất khẩu) theo đường chính ngạch, qua biên giới trên đất liền.

2. Gỗ nguyên liệu nói trong Thông tư này là các loại gỗ tròn (đã bóc vỏ hoặc chưa bóc vỏ); gỗ xẻ, gỗ thanh thuộc mọi chủng loại.

Các loại ván nhân tạo, gỗ ghép thanh và mọi loại sản phẩm gỗ khác được nhập khẩu theo khoản 3(a), Điều 5 Quyết định số 1124/1997/QĐ-TTg ngày 25-12-1997 của Thủ tướng Chính phủ, không thuộc diện điều chỉnh của Thông tư này.

3. Các doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu với ngành hàng phù hợp, nếu có hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, đều được quyền làm đơn xin nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia.

II. HỒ SƠ XIN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

Hồ sơ xin cấp giấy phép nhập khẩu bao gồm:

- Công văn đề nghị của doanh nghiệp, nêu rõ tên doanh nghiệp bán gỗ, chủng loại gỗ, quy cách gỗ (gỗ tròn, gỗ xẻ hay gỗ thanh), số lượng bán, cửa khẩu nhập.

- Bản sao Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Bản chính hợp đồng nguyên tắc ký với doanh nghiệp phía Campuchia.

- Bản sao văn bản cho phép xuất khẩu của Thủ tướng Chính phủ Campuchia hoặc Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng Campuchia hoặc Bộ Thương nghiệp Campuchia ghi rõ tên doanh nghiệp được xuất, loại gỗ, quy cách và số lượng được phép xuất. Bản sao này phải được dịch sang tiếng Việt, có xác nhận nội dung dịch thuật của Đại Sứ quán Việt Nam tại Campuchia, hoặc Tham tán Thương mại Việt Nam tại Campuchia, hoặc cơ quan công chứng Việt Nam, hoặc Đại Sứ quán Campuchia tại Hà Nội.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Các giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp trước ngày ban hành Thông tư này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành nhưng thời hạn thực hiện không quá ngày 30 tháng 9 năm 1998.

2. Thủ tục thanh toán hàng nhập khẩu, thủ tục hải quan hàng nhập khẩu được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ban hành.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

NGUYỄN XUÂN QUANG

THÔNG TƯ số 5/1998/TT-BTM ngày 18-3-1998 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 55/1998/QĐ-TTg ngày 3-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục hàng hóa xuất khẩu có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu.

Căn cứ Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế điều hành xuất nhập khẩu năm 1998;

Căn cứ Quyết định số 55/1998/QĐ-TTg ngày 3-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục hàng hóa xuất khẩu phải có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu;

Bộ Thương mại hướng dẫn việc xuất khẩu các mặt hàng không cần Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu do Bộ Thương mại cấp như sau :

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Việc xuất khẩu các mặt hàng không cần Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu theo Thông tư này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc

mọi thành phần kinh tế và các hợp tác xã được thành lập theo luật pháp Việt Nam, trừ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

II. MẶT HÀNG ĐƯỢC XUẤT KHẨU KHÔNG CẦN GIẤY PHÉP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU; THỦ TỤC XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG NÀY

1. Tất cả các loại hàng hóa ngoài doanh mục ghi trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này doanh nghiệp được xuất khẩu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thủ tục xuất khẩu giải quyết tại cơ quan Hải quan.

2. Riêng những mặt hàng sau đây, khi làm thủ tục xuất khẩu, ngoài yêu cầu có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cần xuất trình thêm xác nhận cho xuất khẩu của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc văn bản cấp hạn ngạch hoặc chỉ tiêu xuất khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

2.1. Khoáng sản hàng hóa (xác nhận của Bộ Công nghiệp).

2.2. Thực vật để làm giống, động vật rừng (xác nhận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); thủy sản quý hiếm, thủy sản sống dùng làm giống (xác nhận của Bộ Thủy sản).

2.3. Ấn phẩm văn hóa, tác phẩm mỹ thuật nhà nước quản lý, tác phẩm điện ảnh, băng hình có ghi chương trình (xác nhận của Bộ Văn hóa - Thông tin).

Danh mục cụ thể các loại hàng hóa ghi tại điểm 2.1, 2.2 và 2.3 nói trên thực hiện theo Nghị định số 89-CP ngày 15-12-1995 của Chính phủ.

2.4. Sản phẩm dệt may xuất khẩu vào thị trường EU, Canada, Nauy, Thổ Nhĩ Kỳ (có văn bản cấp hạn ngạch của Bộ Thương mại và trong năm 1998 chỉ xét cấp cho các doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng xí nghiệp dệt may trước năm 1998).